

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Bản án số 99/2023/DS-ST
Ngày 13 tháng 10 năm 2023
"V/v t/c quyền sử dụng đất"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hà.**
Ông **Nguyễn Văn Hùng.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trương Thị Hoàn**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tùng Lâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân thụ lý số 174/2022/TLST- DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXX-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2023 giữa:

*** Nguyên đơn:**

1-/ Ông **Bùi Văn B**, sinh năm 1941. Địa chỉ: 3 ô 3 Khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Thế V**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

2-/ Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1958; Địa chỉ: tổ 6, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

3-/ Ông **Bùi Văn H1**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông **Bùi Văn S**, sinh năm 1953. Địa chỉ: Tổ 6, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và N vụ liên quan:**

1-/ Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

2-/ Ông **Bùi Trọng N**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 6 Khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

3-/ Ông **Bùi Trung T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt)

4-/ Bà Bùi Trung T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/11/2022 của nguyên đơn ông Bùi Văn B, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện ông Bùi Thế V thể hiện như sau:* Nguồn gốc thửa đất số 73 tờ bản đồ số 142 thị trấn Đất Đỏ, thửa đất số 1521, 2198 và 2197 tờ bản đồ số 04 thị trấn Đất Đỏ là của ông Bùi Văn N; Sinh thời ông Bùi Văn N với bà Ngô Thị M có 4 người con gồm: Bùi Văn B, Bùi Văn B1, Bùi Văn S và Bùi Văn H. Ông N bà M có tạo lập quyền sử dụng đất, lúc còn sống ông bà đã chia cho các người con, theo đó ông Bùi Văn B được cho các thửa đất số 73 tờ bản đồ số 142 thị trấn Đất Đỏ, thửa đất số 1521, 2198 và 2197 tờ bản đồ số 04 thị trấn Đất Đỏ, khi được cho đất ông B đã tiếp chiếm hữu sử dụng, nhưng thủ tục chuyển quyền chưa hoàn T1. Ông N, bà M chết ông Bùi Văn S giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, không chịu giao giấy và ký thủ tục chuyển quyền tách sổ cho ông B cũng như các anh em khác, nhiều lần ông B yêu cầu nhưng ông S cố tình né tránh không thực hiện. Đối với thửa đất số 2197 và 2198 ông B khởi kiện đã được Tòa án xét xử công nhận bằng một bản án, hiện nay ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại thửa đất số 1521 tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 73 tờ bản đồ số 142 thị trấn Đất Đỏ, chưa được ông S giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển quyền.

Nay, ông Bùi Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đã được ông N tặng cho thửa đất số 1521 tờ bản đồ số 4 có diện tích 71,1m² và thửa đất số 73 tờ bản đồ số 142 có diện tích 165,6m² thị trấn Đất Đỏ, buộc ông Bùi Văn S giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N để hoàn T1 thủ tục chuyển quyền cho ông B đứng tên. Ông B không bổ sung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đưa người vào tham gia tố tụng, không có ý kiến về đo vẽ, định giá, từ ngày đo vẽ, định giá đất đến nay hiện trạng sử dụng đất vẫn không thay đổi.

** Cũng theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/11/2022, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn ông Bùi Văn H thể hiện như sau:* Thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 04 thị trấn Đất Đỏ có nguồn gốc của ông Bùi Văn N, về nguồn gốc đất và quan hệ gia đình như ý kiến trình bày của ông V người đại diện cho ông B. Trước khi chết ông N đã chia đất cho các con, theo đó ông H được chia cho một phần diện tích của thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 04 thị trấn Đất Đỏ, ông H đã chiếm hữu sử dụng đất kể từ ngày được cho, nhưng thủ tục chuyển quyền chưa hoàn T1. Sau khi ông N chết, ông S giữ giấy luôn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha không giao giấy và cùng các anh em làm thủ tục chuyển quyền.

Nay, ông H yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 04 thị trấn Đất Đỏ có diện tích 3.113,9m², buộc ông Bùi Văn S giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để hoàn T1 thủ tục chuyển quyền cho ông H. Ông H không bổ sung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đưa người vào tham gia tố tụng, không có ý

kiến về đo vẽ, định giá, từ ngày đo vẽ, định giá đất đến nay hiện trạng sử dụng đất vẫn không thay đổi.

** Cũng theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/11/2022, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn ông Bùi Văn H1 thể hiện như sau: Ông H1 là con ruột của ông Bùi Văn B1, cháu nội của ông Bùi Văn N, sinh thời ông H1 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông N vào khoảng thời gian năm 1997 gồm các thửa đất số 1525, 1040, 1038, 1039, 967, 969, 1037, 1036, 1035, 1034, 971, 972, 970, 934, 856, 857, 831 tờ bản đồ số 04 thị trấn Đất Đỏ, do tin tưởng ông cháu nhận chuyển nhượng đất không làm giấy tờ gì, giá tiền khoảng 2,5 triệu, ông H1 đã giao đủ tiền và nhận đất sử dụng kể từ năm 1997. Mặc dù không có giấy tờ nhưng các chú, bác biết đồng ý chấp nhận không ai tranh chấp, thủ tục chuyển nhượng hiện nay chưa hoàn T1. Sau khi ông N chết, ông S giữ giấy không chịu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chuyển quyền cho ông H1. Đồng thời ông H1 cũng được ông N chia cho phần thừa kế của cha là ông Bê đối với thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 4 thị trấn Đất Đỏ, ông H1 được anh em giao cho quản lý sử dụng thờ cúng cha mẹ, hiện nay cũng chưa hoàn tành thủ tục chuyển quyền do ông S không hợp tác, không giao giấy.*

Nay, ông H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 1525, 1040, 1038, 1039, 967, 969, 1037, 1036, 1035, 1034, 971, 972, 970, 934, 856, 857, 831 tờ bản đồ số 04 thị trấn Đất Đỏ có diện tích 8.102,7m² và một phần diện tích thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 4 thị trấn Đất Đỏ có diện tích 1.888,5m² buộc ông Bùi Văn S giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để hoàn T1 thủ tục chuyển quyền. Ông H1 không bổ sung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đưa người vào tham gia tố tụng, không có ý kiến về đo vẽ, định giá, từ ngày đo vẽ, định giá đất đến nay hiện trạng sử dụng đất vẫn không thay đổi.

** Bị đơn ông Bùi Văn S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt, không ký nhận văn bản tố tụng phải cấp tổng đạt bằng hình thức niêm yết.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Trọng N, ông Bùi Trung T1, ông Bùi Trung T vắng mặt tại bản khai ông N, ông T1, ông T trình bày như sau: Các ông N, T1, T là con của ông Bùi Văn B1, ông B1 được ông N cho tài sản là quyền sử dụng đất, anh em đã thống nhất giao cho ông H1 sử dụng để ông H1 thờ cúng ông bà, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông H1, ông N, ông T, bà T1 không có yêu cầu độc lập.*

** Công văn số 8081/UBND-PTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy Ban nhân dân huyện Đất Đỏ: Các thửa đất tranh chấp đã được UBND huyện Long Đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 124841 ngày ngày 15/8/1997 do ông Bùi Văn N đứng tên, căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự quy định của pháp luật về đất đai.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự không tham gia tố tụng ảnh hưởng đến thời gian quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày các đương sự, và tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Quyền sử dụng đất của ông N đã được định đoạt trước khi ông N chết, các nguyên đơn đã chiếm hữu sử dụng trên 30 năm đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, luật sư và các đương sự;

XÉT THẤY

*** Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền: Các nguyên đơn khởi kiện tranh chấp tài sản là quyền sử dụng đất, vị trí đất tranh chấp tại thị trấn, huyện Đất Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế, tòa án thụ lý vụ án tranh chấp thừa kế, nhưng tài sản là quyền sử dụng đất của ông N đã định đoạt cho các nguyên đơn, các nguyên đơn đã chiếm hữu sử dụng trước khi người để lại di sản chết, nên xác định đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Về việc vắng mặt: Ông Bùi Văn S, bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, ông N, T1, T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[1] Các nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Mảnh trích đo địa chính số 222-2023 và 223-2023 ngày 21/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ. Ông B tranh chấp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 142 diện tích 165,6m² và thửa 1521 tờ bản đồ số 4 diện tích 71,1m²; Ông Bùi Văn H tranh chấp một phần diện tích của thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 4 diện tích 3.113,9m²; Ông Bùi Văn H1 tranh chấp phần còn lại của thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 4 có diện tích 1868,5m² và các thửa 831, 857, 856, 934, 970, 971, 972, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040, 967, 969, 1525 tờ bản đồ số 4 có tổng diện tích là 8.102,7m². Theo Công văn 8081/UBND-PTNMT ngày 05/7/2023 đất đã được Ủy Ban nhân dân huyện Long Đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 124841 ngày 15/8/1997 do ông Bùi Văn N đứng tên. Các nguyên đơn yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với các thửa của từng người như trên, lý do đất đã được ông N chia cho và chuyển nhượng lúc ông N còn sống trong đó có ông S. Sau khi ông N chết ông S giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phối hợp cùng anh em để chuyển quyền, không liên hệ được với ông S; Từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án không triệu tập được ông S với bà H2, không thu thập được bản khai để biết ý kiến của ông S, không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa

ông S, bà H2 vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

[2] Xét về nguồn gốc đất: Theo các nguyên đơn đất có nguồn gốc của ông Bùi Văn N, phù hợp với hồ sơ địa chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Bùi Văn N vào năm 1997. Nên có căn cứ xác định nguồn gốc đất như các nguyên đơn trình bày.

[3] Xét quá trình chiếm hữu sử dụng đất: Hiện trạng ông B đang chiếm hữu sử dụng thửa 1521, ông H đang chiếm hữu sử dụng một phần diện tích thửa 1066, ông H1 đang chiếm hữu sử dụng phần diện tích còn lại của thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 4, theo các nguyên đơn việc chiếm hữu sử dụng có căn cứ pháp luật là được ông N định đoạt cho lúc còn sống. Các thửa đất số 831, 857, 856, 934, 970, 971, 972, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040, 967, 969, 1525 tờ bản đồ số 4 ông H1 chiếm hữu sử dụng từ năm 1997 căn cứ chiếm hữu sử dụng là nhận chuyển nhượng của ông N, các thừa kế của ông N không có ý kiến, không bị ai tranh chấp. Đối với thửa đất số 73 tờ bản đồ số 142 ông B chưa chiếm hữu sử dụng, hiện trạng là đất trống, nhưng ông B đã được ông N định đoạt cho lúc còn sống, theo hồ sơ địa chính, thửa 73 được tách ra từ thửa 50, thửa 50 định đoạt cho ông S nên ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn thửa 73 vẫn còn trong giấy ông N đứng tên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Như đã phân tích đất có nguồn gốc của ông Bùi Văn N, ông N đã định đoạt cho ông H, ông B, và người thừa kế của ông B là ông H1 lúc còn sống, đối với phần diện tích đất trống lúa ông N đã chuyển nhượng cho ông H1. Việc tặng cho và chuyển nhượng của ông N đối với các nguyên đơn không có giấy tờ gì chứng minh, nhưng các nguyên đơn đã chiếm hữu sử dụng trên 30 năm không bị ai tranh chấp. Chứng tỏ rằng có giao dịch tặng cho và chuyển nhượng quyền sử dụng đất như các nguyên đơn trình bày. Tại Điều 223 Bộ luật dân sự quy định: *“Người được giao tài sản thông qua hợp đồng..... thì có quyền sở hữu tài sản đó”*. Các nguyên đơn được ông N giao quyền sử dụng đất thông qua hợp đồng, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của các nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Gồm có chi phí đo vẽ đất và chi phí định giá, các nguyên đơn đã tạm ứng, tại phiên tòa các nguyên đơn tự nguyện chịu, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Các nguyên đơn không phải chịu tiền án phí, ông Bùi Văn S, bà Nguyễn Thị H2 là đối tượng được miễn tiền án phí theo Nghị quyết 326 của Quốc Hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 147, 165, 227, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 180, 223 Bộ luật dân sự; Các Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Bùi Văn B, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn H1 về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất.

1.1/ Công nhận cho ông Bùi Văn B quyền sử dụng đất thửa đất số 1521 tờ bản đồ số 4 thị trấn Đất Đỏ có diện tích 71,1m²; (Lô 3 Mảnh trích đo địa chính số 222-2023 ngày 21/4/2023); Quyền sử dụng đất thửa đất số 73 tờ bản đồ số 142 thị trấn Đất Đỏ có diện tích 165,6m². (Lô 4, Lô 3 Mảnh trích đo địa chính số 223-2023 ngày 21/4/2023)

1.2/ Công nhận cho ông Bùi Văn H quyền sử dụng đất một phần của thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 04 thị trấn Đất Đỏ có diện tích 3113,9m². (Lô 2 Mảnh trích đo địa chính số 222-2023 ngày 21/4/2023)

1.3/ Công nhận cho ông Bùi Văn H1 quyền sử dụng đất một phần của thửa đất số 1066 tờ bản đồ số 04 thị trấn Đất Đỏ có diện tích 1868,5m²; (Lô 1 Mảnh trích đo địa chính số 222-2023 ngày 21/4/2023); Quyền sử dụng đất các thửa đất số 831, 857, 856, 934, 970, 971, 972, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040, 967, 969, 1525 tờ bản đồ số 4 thị trấn Đất Đỏ có tổng diện tích là 8.102,7m². (Lô 5 Mảnh trích đo địa chính số 222-2023 ngày 21/4/2023)

Đất đã được ủy Bn nhân dân huyện Long Đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 124841 ngày 15/8/1997 do ông Bùi Văn N đứng tên.

Buộc ông Bùi Văn S, bà Nguyễn Thị H2 giao nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 124841 ngày ngày 15/8/1997 do ông Bùi Văn N đứng tên để chỉnh lý sang tên cho các nguyên đơn.

Các nguyên đơn có quyền kê khai đăng ký với cơ quan chuyên môn để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án của Tòa án.

Cơ quan chuyên môn có N vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật đất đai.

(Kèm theo là mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ)

2- Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng, các nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3- Về án phí: Các nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại cho ông Bùi Văn H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (B trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010061 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông Bùi Văn S, bà Nguyễn Thị H2 là đối tượng được miễn tiền án phí theo Nghị Quyết 326 của Quốc Hội.

4- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/10/2023) các nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

NGUYỄN VĂN TIẾN